

MIẾU BÀ CHÚA XỨ

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia



Ảnh: Toàn cảnh Miếu Bà Chúa Xứ

Miếu Bà Chúa Xứ thuộc phường Núi Sam, trước thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc là một trọng điểm “hành hương và du lịch” của tỉnh An Giang và của Việt Nam.

1. Nguồn gốc

Theo truyền tụng trong dân gian thì tượng “Bà” đã có lâu đời. Cách đây khoảng 200 năm, “Bà” được dân địa phương phát hiện và được khiêng từ trên đỉnh núi Sam bằng 9 cô gái đồng trinh, theo như lời dạy của “bà” qua miệng “cô đồng”, nên người dân

lập miếu để tôn thờ.^[1]

Có ý kiến khác cho rằng Thoại Ngọc Hầu hoặc vợ là bà Châu Thị Tế xây dựng miếu.

Tuy khó xác minh, nhưng biết chắc là miếu ra đời sau khi Thoại Ngọc Hầu về đây trấn nhậm và kênh Vĩnh Tế đã hoàn tất (1824) mang lại lợi ích rõ rệt cho lưu dân và dân bản địa^[2]

2. Kiến trúc

Ban đầu miếu Bà được cất đơn sơ bằng tre lá. Năm 1870, ông Giáo Gia đề xướng xây cất lại thành ngôi miếu ngói và sau đó còn trùng tu nhiều lần. Đến năm 1972, ngôi miếu được tái thiết lớn và hoàn thành vào năm 1976, tạo nên dáng vẻ như hiện nay, và người thiết kế là kiến trúc sư Huỳnh Kim Măng.

Kiến trúc miếu có dạng chữ "quốc", hình khối tháp dạng hoa sen nở, mái tam cấp ba tầng lầu, lợp ngói đại ống màu xanh, góc mái vút cao như mũi thuyền đang lướt sóng. Bên trong miếu có võ ca, chánh điện, phòng khách, phòng của Ban Quý tế...

Các hoa văn ở cổ lầu chính điện, thể hiện đậm nét nghệ thuật Ấn Độ. Phía trên cao, các tượng thần khỏe mạnh, đẹp để giăng tay đỡ những đầu kèo. Các khung bao, cánh cửa đều được chạm trổ, khắc, lộng tinh xảo và nhiều liên đối, hoành phi ở nơi đây cũng rực rỡ vàng son. Đặc biệt, bức tường phía sau tượng bà, bốn cây cột cổ lầu trước chính điện gần như được giữ nguyên như cũ.

3. Tượng Bà Chúa Xứ

Các nhà chuyên môn cho biết tượng Bà Chúa được tạo vào khoảng cuối thế kỷ 6 đầu thế kỷ thứ 7, bằng đá son, có giá trị nghệ thuật cao. Khi xưa, tượng Bà ngự trên đỉnh núi Sam, gần Pháo Đài. Chứng minh cho điều này là bệ đá Bà ngồi vẫn còn tồn tại. Bệ đá có chiều ngang 1,60m; dài 0,3m, chính giữa có lỗ vuông cạnh 0,34m, loại trầm tích thạch màu xanh đen, hạt nhuyễn.



Tượng thờ này thuộc nền văn hóa Óc Eo, mang mô típ mỹ thuật Bà-la-môn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, tương tự tượng Phật Bốn Tay ở chùa Linh Sơn (thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, An Giang). Và thực ra đây không phải là tượng người phụ nữ mà là tượng nam thần đang ngồi trầm tư, nghĩ ngợi, thường gặp trong các tín ngưỡng chịu ảnh hưởng của Bà-la-môn giáo.

Ảnh: Bên trong Miếu Bà Chúa Xứ

Nhà văn Sơn Nam cũng đã ghi: *Tượng của Bà là pho tượng Phật đàn ông của người Khơme, bị bỏ quên lâu đời trên đỉnh núi Sam. Người Việt đưa tượng vào miếu, điếm tô lại với nước sơn, trở thành đàn bà mặc áo lụa, đeo dây chuyền. Và từ đó "Bà Chúa Xứ" là vị thần có quyền thế lớn ở khu vực ấy, xứ ấy...*^[3]

Và ngoài các bàn thờ Hội Đồng, Tiền hiền, Hậu hiền; cạnh tượng Bà Chúa Xứ, phía bên phải có thờ một tượng nữ thần nhỏ bằng gỗ, gọi là *Bàn thờ Cô*; phía bên trái có một Linga bằng đá rất to, cao khoảng 1,2m, gọi là *Bàn thờ Cậu*.

4. Việc thờ cúng

- Nhà văn Sơn Nam viết:

Bà Chúa Xứ, dạng đạo Lão dân gian, thu hút bá tánh nhiều nhất Nam Bộ. Cát bên chùa Tây An nhưng trong "Đại Nam nhất thống chí" không ghi tên, phải chăng đời Tự Đức và khi Pháp đến hồi cuối thế kỷ 19, miếu hãy còn khiêm tốn, khách hành hương chỉ là người phụ cận mà thôi. Miếu phát triển về sau, qua thời kháng Pháp rồi chống Mỹ...^[4]

...Lăng Thoại Ngọc Hầu được trùng tu, rồi lập miếu thờ trang nghiêm như đình làng, nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của con người khi quá đau khổ, bế tắc. Miếu Bà Chúa Xứ được nâng cấp, thay cho miếu sơ sài... Đây là dạng tu tiên, một dạng như: Tây Vương Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ, hoặc Liễu Hạnh công chúa... nên việc thờ phượng, cúng vái để "tự nhiên", khách có thể ăn mặc lòa loẹt, trai gái đùa giỡn, cúng rượu thịt... Vị trí miếu Bà bên núi Sam hội đủ: Sông rộng, đồi núi trập trùng, vùng biên giới... Người hành hương cảm thấy được thỏa mãn về tâm thần, hòa mình vào "sơn hà xã tắc", "khí thiêng sông núi"...^[5]

- Theo Nguyễn Đức Toàn, thì:

Theo bước đường Nam tiến của dân tộc Việt, chúa Liễu đã từ Phủ Giầy (Nam Định), Đền Sòng (Thanh Hóa) đi về phương Nam, tạm dừng ở điện Hòn Chén (Huế) và gặp bà Pô Nư Gar tại Nha Trang, gặp bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) ở Tây Ninh và bà Chúa Xứ ở núi Sam, Châu Đốc... Tất cả các bà đều là một Mẹ duy nhất trong tâm thức của tín ngưỡng và tập tục thờ mẫu của người Việt...^[6]

Sách Kiến thức phục vụ thuyết minh du lịch giải thích thêm:



Ảnh: Miếu Bà Chúa Xứ

Do ảnh hưởng Phật giáo, Lão giáo cùng với các tín ngưỡng đồng bóng của dân gian mà các vị thần được thờ chủ yếu là nữ, như: Thánh mẫu Liễu Hạnh, Thượng Ngàn, Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Động, Bà Cổ Hỷ, Bà Thủy, Bà Hòa v.v... Và Bà Chúa Xứ trở thành một dạng như "Phật Bà Quan Âm" (đối với người Việt), "Bà Mã Hậu" hay "Thiên Hậu Nương Nương" (đối với người Hoa). Bà được tin tưởng đến độ có rất nhiều huyền

thoại về "quyền lực linh thiêng" của Bà trong việc "ban phúc, giáng họa" cho con người. Như hai câu liễn đối treo ở miếu Bà như sau:

*Cầu tất ứng, thí tất linh, mộng trung chỉ thi
Xiêm khả kính, Thanh khả mộ, ý ngoại nan lường*

Tạm dịch:

*Xin thì được, ban thì linh, báo trong giấc mộng
(Người) Xiêm sợ hãi, (Người) Hoa kính mộ, ý tứ khôn lường...^[1]*

Hội Bà Chúa Xứ được tổ chức hằng năm rất trọng thể vào các ngày cuối tháng 4 âm lịch.^[7]

Chú thích

1. Theo *Kiến thức phục vụ thuyết minh du lịch*, do Trường đào tạo nghiệp vụ du lịch Sài Gòn biên soạn, NXB TP.HCM, 1995, tr.345-346
2. Lê Ngọc Bích nhận định miếu lập vào năm 1824 và chỉ rầm rộ lớn lao vào thế kỷ 20 [1]
3. Theo Sơn Nam, *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa*. NXB TP. HCM, tr.149-150
4. *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Nxb TP. HCM, 1992, tr. 40.
5. Sơn Nam, *Lịch sử An Giang*, NXB Tổng Hợp An Giang, 1987, tr. 157
6. *Quan hệ Chăm Việt trong lịch sử qua tín ngưỡng dân gian*, Tạp chí Dân tộc học số 4, 1994, tr.55
7. Lễ "Tắm Bà" được cử hành vào lúc 0 giờ đêm 23 rạng 24 tháng 4 âm lịch. Lễ "Thỉnh sắc" tức rước sắc và bài vị Thoại Ngọc Hầu cùng hai phu nhân từ Sơn lăng về miếu bà, được cử hành lúc 15 giờ chiều ngày 24. Lễ "túc yết", tức dâng lễ vật và tiến hành lễ cúng Bà, lúc 0 giờ khuya đêm 25 rạng 26. Ngay sau đó, là "lễ xây châu" mở đầu cho việc hát Bội. Lễ Chánh tế (tương tự như lễ "túc yết") vào 4 giờ sáng ngày 27, và 16 giờ chiều cùng ngày là lễ "hồi sắc", tức đem sắc và bài vị Thoại Ngọc Hầu cùng hai phu nhân về lại Sơn lăng.